



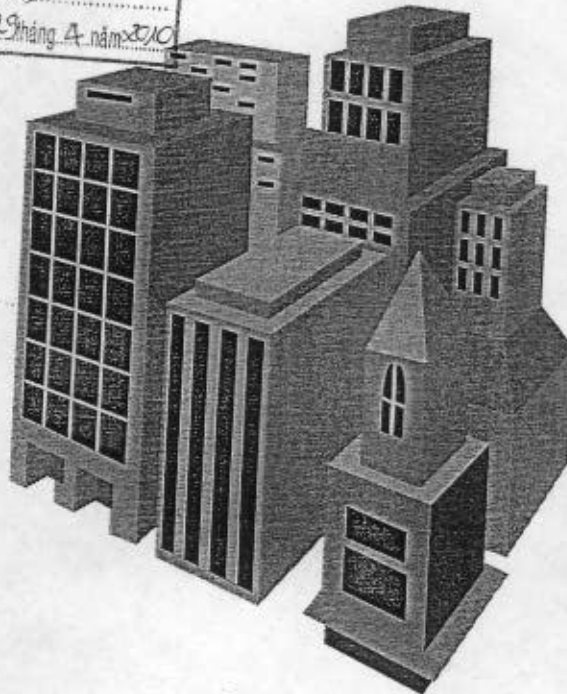
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH
☎ : 550 Kinh Dương Vương, P.An Lạc, Quận Bình Tân Tp.HCM
☎ : 38753021 Fax: 38753552

U/P.NY
Kie T. Anh
Na

BẢO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1/2010

KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2010

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 11599
	Giờ: Ngày 29 tháng 4 năm 2010



Tp Hồ Chí Minh
20-04-2010

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, P. An Lạc, Q. Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2010

Mã số : B 01 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Quý 1/2010

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		1,937,294,271,185	1,935,328,483,153
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110		130,813,839,357	171,659,265,905
1. Tiền		111		130,813,839,357	171,659,265,905
2. Các khoản tương đương tiền		112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		120		1,149,895,300	1,149,895,300
1. Đầu tư ngắn hạn		121		1,149,895,300	1,149,895,300
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn		129		-	-
III. Các khoản phải thu		130		179,492,031,051	191,225,465,635
1. Phải thu của khách hàng		131		83,628,470,777	102,933,366,759
2. Trả trước cho người bán		132		48,614,351,933	43,002,767,929
3. Phải thu nội bộ		133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134		-	-
5. Các khoản phải thu khác		138		56,132,055,341	54,172,177,947
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi		139		(8,882,847,000)	(8,882,847,000)
IV. Hàng tồn kho		140		1,610,209,409,067	1,554,729,335,750
1. Hàng tồn kho		141		1,610,209,409,067	1,554,729,335,750
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		15,629,096,410	16,564,520,563
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151		349,356,000	462,502,200
2. Thuế GTGT được khấu trừ		152		0	-
3. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước		158		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác				15,279,740,410	16,102,018,363
B - TÀI SẢN DÀI HẠN		200		840,488,676,297	826,187,620,310
I. Các khoản phải thu dài hạn		210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng		211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ		213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác		218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		219		-	-
II. Tài sản cố định		210		236,912,755,050	235,492,654,540
1. Tài sản cố định hữu hình		221		38,634,656,818	40,145,626,115
<i>Nguyên giá</i>		222		63,139,520,191	63,100,720,191
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		223		(24,504,863,373)	(22,955,094,076)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		224		-	-
<i>Nguyên giá</i>		225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình		227		424,915,114	375,200,910
<i>Nguyên giá</i>		228		1,109,378,376	1,001,567,376
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		229		(684,463,262)	(626,366,466)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		230		197,853,183,118	194,971,827,515

III. Bất động sản đầu tư	240	107,622,831,114	109,263,785,974
Nguyên giá	241	146,237,227,984	146,237,227,984
Giá trị hao mòn lũy kế	242	(38,614,396,870)	(36,973,442,010)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	494,843,272,606	480,049,099,796
1. Đầu tư vào công ty con	251	421,000,000,000	406,000,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	69,118,008,060	69,118,008,060
3. Đầu tư dài hạn khác	258	6,570,904,214	6,577,904,214
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259	(1,845,639,668)	(1,646,812,478)
V. Tài sản dài hạn khác	260	1,109,817,527	1,382,080,000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	667,737,527	940,000,000
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	442,080,000	442,080,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	2,777,782,947,482	2,761,516,103,463
A - NỢ PHẢI TRẢ	300	1,550,763,881,137	1,563,062,155,812
I. Nợ ngắn hạn	310	509,464,890,830	636,536,366,214
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	184,812,675,346	202,982,799,682
2. Phải trả cho người bán	312	7,880,007,308	30,027,216,514
3. Người mua trả tiền trước	313	130,338,968,188	209,502,376,997
4. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	53,700,638,599	53,511,262,507
5. Phải trả người lao động	315	83,014,600	3,558,574,200
6. Chi phí phải trả	316	113,594,637,403	114,385,203,732
7. Phải trả nội bộ	317	-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318	-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	17,315,445,037	20,593,331,239
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	1,739,504,349	1,975,601,343
II. Nợ dài hạn	330	1,041,298,990,307	926,525,789,598
1. Phải trả dài hạn người bán	331	-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	5,195,636,253	5,196,281,453
4. Vay và nợ dài hạn	334	255,109,514,835	215,897,762,055
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc	336	976,837,110	1,074,446,610
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	780,017,002,109	704,357,299,480
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	1,227,019,066,345	1,198,453,947,651
I. Vốn chủ sở hữu	410	1,227,007,609,202	1,198,442,490,508
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	542,000,000,000	542,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	430,000,000,000	430,000,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	38,240,275,252	38,240,275,252
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	24,380,408,572	24,380,408,572
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	2,535,000,000	2,535,000,000
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	189,851,925,378	161,286,806,684
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421	-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	11,457,143	11,457,143
1. Nguồn kinh phí	432	11,457,143	11,457,143
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	2,777,782,947,482	2,761,516,103,463

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU		Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài			-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý			-
5.	Ngoại tệ các loại: USD			
6.	Dự toán chi phí hoạt động			
7.	Nguồn vốn khấu hao cơ bản hiện có			-

Người lập



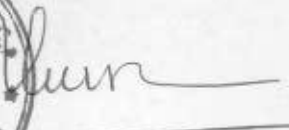
Nguyễn Kim Phụng

Kế toán trưởng




Ngày 19 tháng 04 năm 2010

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thụy Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, P. An Lạc, Q. Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1/2010

Mã số : B 02 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
QUÝ 1 NĂM 2010**

Đơn vị tính: VND

Stt	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
				Quý 01/10	Quý 1/09	Năm 2010	Năm 2009
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.22	79,476,866,439	70,978,230,431	79,476,866,439	70,978,230,431
2.	Các khoản giảm trừ	03		0	0	-	0
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		79,476,866,439	70,978,230,431	79,476,866,439	70,978,230,431
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.23	32,139,902,412	43,583,271,933	32,139,902,412	43,583,271,933
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		47,336,964,027	27,394,958,498	47,336,964,027	27,394,958,498
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	2,434,383,964	3,059,484,462	2,434,383,964	3,059,484,462
7.	Chi phí tài chính	22	VI.25	2,641,615,196	2,027,080,440	2,641,615,196	2,027,080,440
	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>2,442,521,606</i>	<i>2,027,080,440</i>	<i>2,442,521,606</i>	<i>2,027,080,440</i>
8.	Chi phí bán hàng	24		2,142,720,635	4,192,078,561	2,142,720,635	4,192,078,561
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.26	5,935,595,158	5,198,894,594	5,935,595,158	5,198,894,594
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		39,051,417,002	19,036,389,365	39,051,417,002	19,036,389,365
11.	Thu nhập khác	31	VI.27	1,249,852,714	914,407,529	1,249,852,714	914,407,529
12.	Chi phí khác	32	VI.28	132,224,827	41,119,244	132,224,827	41,119,244
13.	Lợi nhuận khác	40		1,117,627,887	873,288,285	1,117,627,887	873,288,285
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		40,169,044,889	19,909,677,650	40,169,044,889	19,909,677,650
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		10,103,926,195	3,484,193,589	10,103,926,195	3,484,193,589
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		0	0	-	0
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		30,065,118,694	16,425,484,061	30,065,118,694	16,425,484,061
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					

Người lập



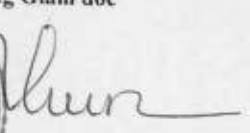
Nguyễn Kim Phụng

Kế toán trưởng



Tp.HCM, ngày 19 tháng 04 năm 2010

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thụy Nhân

CỘNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, P. An Lạc, Q. Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp trực tiếp)
Quý 1 năm 2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã Số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Quý 1/09
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		42,814,089,954	204,947,549,080
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(46,073,293,606)	(96,046,658,006)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(6,420,422,541)	(3,246,736,316)
4. Tiền chi trả lãi vay	4		(2,421,926,306)	(1,987,650,841)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5		(12,544,661,806)	(21,771,107,266)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		147,854,719,004	40,165,057,373
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(135,686,518,764)	(67,071,146,035)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(12,478,014,065)	54,989,307,989
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCD và các TS dài hạn khác	21		(146,611,000)	(227,538,688)
2. Tiền thu từ thanh lý, NBán TSCD và các TS dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(15,000,000,000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		7,000,000	90,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,943,822,853	1,030,663,784
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(13,195,788,147)	893,125,096
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(15,171,624,336)	(25,000,000,000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(15,171,624,336)	(25,000,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(40,845,426,548)	30,882,433,085
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		171,659,265,905	39,408,782,495
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		130,813,839,357	70,291,215,580

Người lập



Nguyễn Kim Phụng

Kế toán trưởng



Nguyễn Thụy Nhân

Tp.HCM, ngày 19 tháng 04 năm 2010

Tổng giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, P. An Lạc, Q. Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2010

Phụ lục 1: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	542,000,000,000	430,000,000,000	12,885,275,252	11,703,408,572		103,809,411,621	1,100,398,095,445
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	193,622,939,727	193,622,939,727
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	25,355,000,000	12,677,000,000	2,535,000,000	(40,567,000,000)	-
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	(92,140,000,000)	-
Điều chỉnh theo QT thuế						91,455,336	91,455,336
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi						(3,530,000,000)	(3,530,000,000)
Số dư cuối năm trước	542,000,000,000	430,000,000,000	38,240,275,252	24,380,408,572	2,535,000,000	161,286,806,684	1,198,442,490,508
Số dư tại ngày 31/12/09	542,000,000,000	430,000,000,000	38,240,275,252	24,380,408,572	2,535,000,000	161,286,806,684	1,198,442,490,508
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	30,065,118,694	30,065,118,694
Chia cổ tức năm nay	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Trích bổ sung quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ ban điều hành	-	-	-	-	-	(1,500,000,000)	(1,500,000,000)
Số dư cuối năm nay	542,000,000,000	430,000,000,000	38,240,275,252	24,380,408,572	2,535,000,000	189,851,925,378	1,227,007,609,202

Đơn vị tính: VND

Người lập



Nguyễn Kim Phụng

Kế toán trưởng


TP. HCM, ngày 19 tháng 04 năm 2010
Tổng Giám Đốc

Nguyễn Thuý. Ngân

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, phường An lạc, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1/2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Xây dựng, địa ốc
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Xây dựng cơ bản; kinh doanh nhà ở, đất ở; kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Lê Minh Xuân, tư vấn xây dựng, san lấp mặt bằng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm 2010 là năm tài chính thứ 11 của Công ty.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam .
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. **Tiền và tương đương tiền**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1/10

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 7

6. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1/10

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi bắt đầu sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bắt đầu sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bắt đầu sản đầu tư như sau:

Chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng: theo thời gian còn lại của dự án kể từ khi khai thác.

Nhà xưởng: từ 10 – 20 năm.

7. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 4-5 năm.

Chứng nhận ISO

Là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra để có chứng nhận ISO. Chi phí này được khấu hao trong 10 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

10. Hoạt động liên doanh

Lợi ích của Công ty trong những hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và tài sản đồng kiểm soát được ghi nhận vào Báo cáo tài chính bằng cách phân bổ phần của Công ty trong tài sản, công nợ, thu nhập và chi phí vào những khoản mục tương ứng.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

12. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1/10

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí. Trong năm 2009 thì khoản này không trích nữa, Công ty đóng bảo hiểm thất nghiệp theo luật định.

13. Các khoản dự phòng phải trả

Chi phí bảo hành công trình xây lắp

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty được ước tính bằng 5% trên doanh thu công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành.

14. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế, đối với hoạt động chuyên quyền sử dụng đất công ty phải đóng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

17. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày:

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1/10

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu chuyển quyền sử dụng đất, nhà ghi nhận khi công ty có biên bản bàn giao nền và nhà.

Doanh thu cho thuê đất tại khu công nghiệp Lê Minh Xuân:

Đối với hoạt động cho thuê đất tại khu giai đoạn I và bán xưởng: Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện.

Đối với hoạt động cho thuê đất tại khu giai đoạn II và khu tiểu thủ công nghiệp: Công ty ghi nhận là doanh thu nhận trước khi thu tiền trả trước và phát hành hoá đơn, sau đó phân bổ vào doanh thu trong kỳ theo thời gian còn lại của dự án kể từ năm cho thuê.

Doanh thu khác: Ghi nhận khi hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

19. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1/10

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	3.516.886.692	1.580.490.300
Tiền gửi ngân hàng	127.296.952.665	170.078.775.605
Cộng	130.813.839.357	171.659.265.905
<i>Trong đó: Tài khoản tiền gửi ngân hàng bị phong tỏa chưa được sử dụng</i>	<i>0</i>	<i>4.173.027.404</i>

Thuyết minh: Sau khi BCCI-KCN LMX hoàn tất số đo cho khách hàng thuê đất tại KCN LMX thì NH sẽ giải tỏa số tiền trên.

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng mua nền hoặc nhà của các dự án	71.747.229.374	87.018.324.225
Công ty Đầu tư và xây dựng Thanh niên xung phong TP. Hồ Chí Minh	5.044.353.280	5.044.353.280
Cty CP Địa Ốc Ngân Hiệp		2.970.000.000
Khách hàng sử dụng nước	550.000	88.000
Các khoản phải thu của Lê Minh Xuân	6.836.338.123	7.900.601.254
Cộng	83.628.470.777	102.933.366.759

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lê Trung Sơn	13.200.000	13.200.000
Công ty CP Bình Tân Bách Khoa		180.301.441
Công ty CP TV-XD Tổng Hợp SG Viễn Đông		92.464.800
Công ty CP ĐT-TV-XD Sơn Trà	604.697.381	324.937.204
Công ty Luật Hợp Danh Minh Duy	15.000.000	15.000.000
Công ty TNHH TK-XD Điện Tam Mã		645.000.000
Công ty Kiểm định XD Sài Gòn	82.368.000	82.368.000
Công ty TNHH TM-DV CN Xanh	90.000.000	90.000.000
Nguyễn Văn Sơn	75.548.000	75.548.000
Trần Bá Tuyển	22.500.000	22.500.000
Cty TNHH XD-TM Chí Hiếu	3.037.213.469	3.037.213.469
Công ty TNHH XD Minh Mẫn	6.817.979.662	6.817.979.662
Công ty Tv-XD Tổng Hợp	168.732.453	168.732.453
Công ty TNHH PSD	34.750.000	34.750.000
Công ty CP TV Giám sát 584.2	126.899.353	232.007.153
Tổng công ty XD số 1 - CCI	26.960.124.371	16.861.037.807
CN Công ty CptV CNTB và KĐ XD	147.000.000	147.000.000
Nguyễn Quốc Thái, 023303956, 27/9/95	7.497.500	7.497.500
Công ty TNHH XD Phúc Thành V.N	153.702.500	3.133.954.585

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1/10

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty TNHH TVTK và ĐTXD Đinh Hoàng	24.450.000	24.450.000
Công ty CP TV Kiến Trúc và XD TPHCM	158.870.000	158.870.000
Công ty TNHH XD Điện TM Tiến Phát	39.300.000	39.300.000
Công ty TNHH TMDV MT Việt Trung	105.600.000	165.000.000
CN Công ty TV CNTB & Kiểm định XD Coninco	336.750.000	336.750.000
Cty CP Thang Máy Thiên Nam	1.547.000.000	663.000.000
Cty CP TV Cấp Thoát Nước Và Môi Trư	52.500.000	52.500.000
Cty Thoát Nước Đô Thị TPHCM	25.217.358	70.767.358
Cty TNHH ĐĐ TK XD Bình Tân	26.487.400	26.487.400
Cty TNHH TM XD Việt Long	754.677.000	754.677.000
Cty TNHH XD và TM Thuận Hưng	1.590.300.000	4.485.000.000
Xí nghiệp điện cao thế	807.287.640	807.287.640
Cty CSCC TPHCM	79.603.110	79.603.110
Cty TNHH Lạc Thành	1.655.143.400	967.435.600
Cty TNHH MTV Liên Hưng Phát		274.381.800
Cty TNHH TK Lập Phương	37.380.750	37.380.750
Cty TNHH TM DV PCCC Lê Nguyễn	1.253.514.011	1.253.514.011
Cty TNHH XD Hạ Tầng HKC	15.000.000	15.000.000
Cty TNHH XD TK Kiến Tín		34.436.700
Công ty LD Hải Thành	39.171.825	
Cty TNHH TM và DV Hải Gia	495.456.720	
Công ty TNHH TV TK và XD Không Gian Việt	45.750.000	
Cty CP Tổ Vaán TK XD	42.225.000	
Công ty Liên Doanh	212.455.000	
Cty TNHH SX XD TM Yên Sinh	15.000.000	
Trả trước cho người bán tại KCN LMX	898.000.030	775.434.486
Cộng	48.614.351.933	43.002.767.929

4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối quý	Số đầu năm
Công ty TNHH Ngân Thạnh	4.627.527.116	4.627.527.116
Trương Văn Thạnh	3.714.400.000	3.794.400.000
Ông Trần Ngọc HenRy	1.000.000.000	1.000.000.000
Phòng tài chính huyện Bình Chánh (Nguyễn Ích Phú)	7.786.000.000	7.786.000.000
Công ty Cổ phần KCN Phong Phú cho vay và lãi phải thu	25.877.688.889	25.351.438.889
Phải thu dịch vụ công ích	17.733.000	17.733.000
Công ty SJI	72.727.273	72.727.273
Ông Viên Vi Hiếu (trả công trình bưu điện ông Ron)	624.309.000	624.309.000
Thuế TNDN theo tiến độ thu tiền 2%/DT	10.956.126.739	9.418.317.130
Phải thu thuế TNCN lương CBNV theo QT thuế TNCN 2009	9.256.223	67.109.005
Phải thu tiền lãi Sở Tài Chính- LMX	1.446.287.101	1.412.616.534

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1/10

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cộng	56.132.055.341	54.172.177.947
-------------	-----------------------	-----------------------

(1) Khoản tạm ứng đền bù đất cho phòng tài chính huyện Bình Chánh, toàn bộ khoản phải thu này đã được lập dự phòng.

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Anh Trần Công Chuẩn	(1.096.847.000)	(1.096.847.000)
Phòng tài chính Huyện Bình Chánh	(7.786.000.000)	(7.786.000.000)
Cộng	(8.882.847.000)	(8.882.847.000)

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng	1.603.391.746.093	1.547.911.672.776
Chi phí xây dựng công trình dở dang	233.902.268	233.902.268
Hàng hóa bất động sản	6.583.760.706	6.583.760.706
Cộng	1.610.209.409.067	1.554.729.335.750

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thuê văn phòng SGD 2	349.356.000	117.396.000
Chi phí đồng phục 2010		345.106.200
Cộng	349.356.000	462.502.200

8. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng CBCNV Cty + LMX	15.274.740.410	16.097.018.363
Các khoản cầm cố ký quỹ, ký cược ngắn hạn (ĐTQT)	5.000.000	5.000.000
Cộng	15.279.740.410	16.102.018.363

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Nhóm TSCĐ	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Nhà cửa vật kiến trúc	Cộng tài sản hữu hình
Chỉ tiêu					
I. Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	29.129.118.950	11.192.572.683	3.342.668.377	19.436.360.181	63.100.720.191
Số tăng trong kỳ	0	0	38.800.000	0	38.800.000
Trong đó:- Mua sắm mới	0	0	38.800.000	0	38.800.000
Số giảm trong kỳ	0	0	0	0	0
Trong đó:- Thanh lý			0		0
- Nhượng bán					0
Số cuối kỳ	29.129.118.950	11.192.572.683	3.381.468.377	19.436.360.181	63.139.520.191

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1/10

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

II. Giá trị hao mòn					
Số dư đầu kỳ	14.902.294.366	2.668.712.274	2.391.905.523	2.992.181.913	22.955.094.076
Số tăng trong kỳ	757.750.858	382.297.053	144.958.183	264.763.203	1.549.769.297
Số giảm trong kỳ			0		0
Số cuối kỳ	15.660.045.224	3.051.009.327	2.536.863.706	3.256.945.116	24.504.863.373
III. Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	14.226.824.584	8.523.860.409	950.762.854	16.444.178.268	40.145.626.115
Số cuối kỳ	13.469.073.726	8.141.563.356	844.604.671	16.179.415.065	38.634.656.818

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Nhóm TSCĐ	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu, hàng hóa	Bản quyền ISO	Phần mềm vi tính	Cộng tài sản vô hình
Chỉ tiêu						
I. Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ				331.744.151	669.823.225	1.001.567.376
Số tăng trong kỳ				0	107.811.000	107.811.000
Trong đó: - Mua sắm mới				0	107.811.000	107.811.000
Số giảm trong kỳ				0	0	0
Trong đó: - Thanh lý - Nhượng bán						0
Số cuối kỳ				331.744.151	777.634.225	1.109.378.376
II. Giá trị hao mòn						
Số dư đầu kỳ				298.466.413	327.900.053	626.366.466
Số tăng trong kỳ				8.297.004	49.799.792	58.096.796
Số giảm trong kỳ						
Số cuối kỳ				306.763.417	377.699.845	684.463.262
III. Giá trị còn lại						
Số đầu kỳ				33.277.738	341.923.172	375.200.910
Số cuối kỳ				24.980.734	399.934.380	424.915.114

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Lũy kế chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối quý
Mua sắm TSCĐ	-				0
XDCB dở dang	194.971.827.515	2.920.663.827	39.308.224	-	197.853.183.118
Trụ sở Công ty BCCI (15 tầng)	257.192.726				257.192.726

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1/10

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Xây dựng cơ bản dở dang KCN LMX mở rộng 400ha	193.758.371.606	2.638.945.550			196.397.317.156
Xây dựng cơ bản dở dang KCN LMX: giai đoạn 1	-	39.308.224	39.308.224		0
Xây dựng cơ bản dở dang KCN LMX: giai đoạn 2		242.410.053			242.410.053
Xây dựng cơ bản dở dang văn phòng KCN LMX	956.263.183				956.263.183
Cộng	194.971.827.515	2.920.663.827	39.308.224	-	197.853.183.118

12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Nhóm BĐS	Nhà xưởng	Cơ sở hạ tầng	Tổng cộng
Chỉ tiêu			
I. Nguyên giá			
Số đầu kỳ	7.146.210.413	139.091.017.571	146.237.227.984
Số tăng trong kỳ (lũy kế)	0	0	0
Số giảm trong kỳ	0	0	0
Số cuối kỳ	7.146.210.413	139.091.017.571	146.237.227.984
II. Giá trị hao mòn			
Số đầu kỳ	4.757.635.063	32.215.806.947	36.973.442.010
Số tăng trong kỳ (lũy kế)	152.821.928	1.488.132.932	1.640.954.860
Số giảm trong kỳ	0	0	0
Số cuối kỳ	4.910.456.991	33.703.939.879	38.614.396.870
III. Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	2.388.575.350	106.875.210.624	109.263.785.974
Số cuối kỳ	2.235.753.422	105.387.077.692	107.622.831.114

13. Đầu tư vào công ty con

Tên công ty con	Tỷ lệ cổ phần sở hữu		Vốn đầu tư
	Theo giấy phép	Thực góp	
Công ty cổ phần khu công nghiệp Phong Phú	70%	70%	245.000.000.000
Cty CP KD BĐS Bách Bình	69%	68.48%	176.000.000.000
Cộng			421.000.000.000

14. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ cổ phần sở hữu		Vốn đầu tư
	Theo giấy phép	Thực góp	
Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ siêu thị An Lạc	20%	16%	65.118.008.060
Công ty cổ phần Đầu tư và bất động sản Sài Gòn Châu Á	5%	20%	4.000.000.000
Cộng			69.118.008.060

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1/10

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Đầu tư dài hạn khác

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư chứng khoán dài hạn	1.551.455.455	1.558.455.455
Trong đó: Trái phiếu	116.000.000	123.000.000
Cổ phiếu NHPT NHà -HDB (12.331cp)	123.310.000	123.310.000
Cổ phiếu TDH (10.200cp +5.100cp)	1.312.145.455	1.312.145.455
Đầu tư dài hạn khác (chợ đầu mối Tân Túc)	1.436.248.759	1.436.248.759
Cty Cấp nước Dầu Tiếng	250.000.000	250.000.000
Cty CP Thủy Sản SJI	3.333.200.000	3.333.200.000
Cộng	6.570.904.214	6.577.904.214

16. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng đầu tư dài hạn (chợ đầu mối Tân Túc)	(1.436.248.759)	(1.436.248.759)
Dự phòng đầu tư CK	(409.390.909)	(210.563.719)
Cộng	(1.845.639.668)	(1.646.812.478)

17. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí trả trước dài hạn	667.737.527	940.000.000
Tài sản khác (ký quỹ SGD II)	442.080.000	442.080.000
Cộng	1.109.817.527	1.382.080.000

18. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn các tổ chức ^(a)	1.350.000.000	1.350.000.000
Vay NH No PT nông thôn khu CN Tân Tạo HĐ 1903, 22/10/2008 ^(b)	49.200.000.000	49.200.000.000
Vay ngân hàng VIB (HĐ 144 +405)	39.000.000.000	54.171.624.336
Nợ dài hạn đến hạn trả (Big C nhận nợ Sở Tài Chính)	73.468.395.000	73.468.395.000
Vay dài hạn ngân hàng Đầu Tư Phát triển VN đến hạn trả	1.396.000.000	1.739.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (HĐ số 300 NHQĐ-Q4/2010)	10.000.000.000	10.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (HĐ số 210/08 QĐT-4 Quý 2010)	9.250.000.000	11.250.000.000
Vay dài hạn Quỹ đầu tư phát triển đô thị đến hạn trả	1.148.280.346	1.803.780.346
Cộng	184.812.675.346	202.982.799.682

(a) Khoản vay phòng tài chính Huyện Bình Chánh.

(b) Vay NH No PT Nông thôn. HĐ số 1903, 22/10/2008. Thẻ chấp quyền sử dụng đất có diện tích 12.283.30m² (Mười hai ngàn hai trăm tám mươi ba phẩy ba mét vuông) tại phường Tân Tạo, Q. Bình Tân, Tp.HCM. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK485703, vào sổ cấp GCNQSDĐ số T000017/1a do sở Tài Nguyên và Môi trường Tp.HCM cấp ngày 03/11/2008.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1/10

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (c) Vay Ngân hàng TMCP Quốc Tế theo hợp đồng số 144 ngày 23/12/08 và số HĐ 405 ngày 28/8/09

19. Phải trả người bán

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Minh Mẫn		3.813.903.250
Công ty TNHH TM XD Việt Long	2.030.000	2.030.000
Công ty TNHH XD Phúc Thành VN	242.091.300	10.112.000
Công ty TNHH Chí Hiếu	525.732.370	1.544.950.610
Công ty PCCC Đức Phương	22.258.398	22.258.398
Công ty TNHH XDSXTMDV Hùng Thạnh	1.401.316.692	2.942.487.413
Công ty 19/8	18.878.365	18.878.365
Công ty WASACO	75.186.926	75.186.926
Đỗ Ngọc Dũng	19.998.625	19.998.625
Công ty CP Gia Bình	28.743.150	28.743.150
Công ty CP HC QCTM Việt Mỹ	162.382.374	162.382.374
Công ty CP XD Thanh Niên	2.247.917	2.247.917
Công ty TNHH TM TC	6.034.737	6.034.737
Công ty TNHH Thành Nam	82.950.519	82.950.519
Công ty TNHH Bình Tân Bách Khoa	72.653.281	72.653.281
Cty TNHH ITV TM DV XD An Duyệt	10.291.279	8.881.732
Ngô Trí Dũng - Trần Thị Lan	3.728.870.000	18.710.970.000
Công ty TNHH CN CTN và MT Vĩnh Phúc	39.729.723	39.729.723
Công ty CP Siêu Thanh		2.155.138
Công ty CP Tư vấn và đầu tư Bình Chánh		180.000.000
Công ty CP bảo hiểm Quân Đội - CN Bắc SG		222.864.077
Cty CP SMec Việt Nam		88.250.000
Công ty CP Truyền thông Gia Phúc		23.748.480
Cty Deloitte VN		196.746.000
Cty TNHH XD TK Kiến Tín	22.543.551	22.543.551
Cty TNHH Vi Tính Vũ Thảo		221.178.000
Cty TNHH Chuyển Động		46.535.500
Cty TNHH TK QC Và DV TM Ân Anh		143.000.000
Cty TNHH TK TM Và DV PCCC Thái Bình	36.865.458	36.865.458
Tạp chí thị trường giá cả		20.000.000
TT nghiên cứu ứng dụng CN XD		28.837.500
XN TVXD Công trình CSCC TPHCM	39.070.000	39.070.000
Công ty CP ĐT TV XD Sơn Trà	33.000.000	
Công ty TNHH DV PCCC Lê Nguyễn	12.925.941	
Công ty TNHH XD DV Tấn Dũng	19.377.950	
Phải trả người bán tại KCN Lê Minh Xuân	1.274.828.752	1.191.023.790
Cộng	7.880.007.308	30.027.216.514

20. Người mua trả tiền trước

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1/10

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối quý	Số đầu năm
Tiền nhận ứng trước của các khách hàng mua nền nhà trong các khu dân cư	127.335.329.188	206.498.737.997
Tiền ứng trước của khách hàng thuê đất, xưởng tại khu công nghiệp Lê Minh Xuân	2.901.100.000	2.901.100.000
Tiền nhận ứng trước của các hợp đồng xây dựng các công trình	102.539.000	102.539.000
Cộng	130.338.968.188	209.502.376.997

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

CHỈ TIÊU	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế	53.511.262.507	21.987.449.071	21.798.072.979	53.700.638.599
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.826.554.309	7.041.355.275	6.064.697.685	5.803.211.899
- Thuế GTGT VP Cty	4.450.393.497	6.716.680.406	5.472.071.853	5.695.002.050
- Thuế GTGT khu LMX	376.160.812	324.674.869	592.625.832	108.209.849
Thuế thu nhập doanh nghiệp	48.318.969.298	11.641.735.804	12.544.661.806	47.416.043.296
Thuế thu nhập cá nhân	365.738.900	294.261.152	178.616.648	481.383.404
Tiền thuế nhà đất	-	-	-	-
Tiền sử dụng đất	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-
Thuế tài nguyên	-	6.096.840	6.096.840	-
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
Cộng	53.511.262.507	21.987.449.071	21.798.072.979	53.700.638.599

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Tiền thuế đất

Tiền thuế đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

22. Chi phí phải trả

	Số cuối quý	Số đầu năm
Khu dân cư 13ha	1.345.331.612	1.345.331.612
Khu dân cư Bình Hưng	4.019.708.878	8.938.415.024
Khu dân cư Hương Lộ 5 Mở rộng	2.748.647.446	2.768.551.141
Khu dân cư Cầu Xáng	822.520.580	822.520.580
Khu dân cư An Lạc Bình Trị Đông (A-B-C-D-E-100ha)	48.169.431.053	49.329.672.845
Khu F Tân Tạo Bình Trị Đông	501.362.885	501.362.885
Chung cư Nhất Lan 5 tầng	598.984.884	784.405.201

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1/10

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chung cư Da Sà	3.496.307.931	4.657.351.029
Chi phí bảo hành khu nhà ở Bình Hưng	186.255.879	186.255.879
Tòa nhà VP BCCI	193.932.170	193.932.170
Khu áp 5 Phong Phú	46.701.804.255	39.302.712.138
Khu sau Nhất Lan	1.478.604.375	1.478.604.375
Trích chi phí lãi vay		1.253.241.465
Phí kiểm toán 2009	278.085.500	278.085.500
Duy tu CSHT - KCN Lê Minh Xuân	3.053.659.955	2.544.761.888
Cộng	113.594.637.403	114.385.203.732

23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế trích trước TNCN 2%/DT	590.646.620	590.646.620
Hợp tác đầu tư Cty TNHH XDTM Thái Sơn	7.639.760.389	7.639.760.389
Tiền vay Phòng tài chính huyện Bình Chánh	300.000.000	300.000.000
Cổ tức phải trả cho các Cổ đông	1.195.325.000	5.605.255.000
Phải trả tiền đảm bảo hạ tầng kỹ thuật	3.428.123.449	2.779.123.449
Nhận kí quỹ dự thầu thi công các công trình	55.000.000	55.000.000
Thuế trước bạ Quyền sử dụng đất tạm thu trước	15.400.000	15.400.000
Công ty cổ phần 3D	39.636.648	39.636.648
Hợp tác đầu tư Võ Thị Ánh Tuyết, Mỹ Anh	1.527.200.000	1.527.200.000
Phải trả khác (tạm thu HĐ số 16)	810.000.000	-
Phải trả thuế TNCN môi giới, vãng lai được giảm 2009	146.166.159	97.908.159
Phải trả thuế TNCN đã trích thừa của CBNV	1.528.444	71.073.329
Phải trả tại KCN Lê Minh Xuân	1.566.658.328	1.872.327.645
Cộng	17.315.445.037	20.593.331.239

24. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ, ký cược dài hạn Công ty	149.744.000	149.744.000
Ký quỹ, ký cược dài hạn KCN LMX	5.045.892.253	5.046.537.453
Cộng	5.195.636.253	5.196.281.453

25. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ Đầu tư phát triển đô thị TP. Hồ Chí Minh ^(a & a')	24.581.013.165	24.581.013.165
Nợ dài hạn - Trái phiếu (NH Quân đội mua)	150.000.000.000	150.000.000.000
Vay NH Quân Đội HĐ330- CC Nhất Lan 2 ^(b)	41.050.150.528	25.967.111.464
Vay NH Quân Đội HĐ331- CC Tân Tạo 1	39.478.351.142	15.349.637.426
Cộng	255.109.514.835	215.897.762.055

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1/10

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (a) Vay Quỹ đầu tư phát triển đô thị TP. Hồ Chí Minh, theo Hợp đồng vay số 61/2007/HDTD-QDT-TD ngày 21 tháng 02 năm 2007. Số tiền vay: 11.798.000.000 đồng, mục đích vay: Đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Lê Minh Xuân – giai đoạn 2. Thời hạn vay: 5 năm.
- (a') Vay Quỹ đầu tư phát triển đô thị TP. Hồ Chí Minh, theo Hợp đồng vay số 210/2008/HDTD-QDT-TD ngày 05 tháng 12 năm 2008. Số tiền vay: 45.000.000.000đ (Bốn mươi lăm tỷ đồng). Mục đích vay: Thực hiện dự án Đầu tư xây dựng chung cư Nhất Lan 2. Thời hạn vay: 5 năm.
- (b) Vay ngân hàng quân đội theo HĐ số 300.09.701.479633, ngày 19/9/09

26. Doanh thu chưa thực hiện

	Số cuối quý	Số đầu năm
Nền Ấp I Tân Tạo	152.704.730.107	131.202.895.979
Nền Bình Hưng	4.526.251.882	3.929.878.564
Nền khu C	238.840.952	
Chung cư Đa Sà	444.272.727	
Chung cư Nhất Lan 12 tầng	5.127.399.945	2.399.247.364
Nền Cầu Xáng	117.881.111	55.838.421
Nền Đa Sà	24.574.539.362	21.819.477.362
Nền Hương Lộ 5	3.141.947.622	1.189.006.605
Nền NHV-BTVK	36.182.399.469	47.367.456.884
Nền Nhất Lan	5.770.227.274	5.770.227.274
Nền áp 4 PP	272.915.666.975	233.837.409.780
Nền áp 5 PP	39.835.784.765	22.845.082.126
Nền tái định cư đường số 7	208.329.546	
Nền Tây Tên Lửa	2.018.065.210	499.336.155
KCN LMX: Giai đoạn 2 và khu TTCN	232.210.665.162	233.441.442.966
Cộng	780.017.002.109	704.357.299.480

27. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	1.074.446.610
Thu trong năm	-
Chi trong năm	97.609.500
Số cuối quý	976.837.110

28. Quỹ khen thưởng, phúc lợi, điều hành

Khen thưởng	
Số đầu năm	364.159.892
Trích quỹ khen thưởng theo kế hoạch kinh doanh	-
Chi khen thưởng	164.000.000
Số cuối năm	200.159.892
Phúc lợi	
Số đầu năm	664.441.451
Thu trong năm	-
Chi trong năm	72.096.994

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1/10

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<i>Số cuối năm</i>	<i>592.344.457</i>
<i>Ban điều hành</i>	
<i>Số đầu năm</i>	<i>947.000.000</i>
<i>Thu trong năm</i>	<i>-</i>
<i>Chi trong năm</i>	<i>-</i>
<i>Số cuối năm</i>	<i>947.000.000</i>
CỘNG SỐ CUỐI QUÝ	1.739.504.349

29. Vốn chủ sở hữu*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 1.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Vốn đầu tư của Nhà nước	151.200.000.000	151.200.000.000
Vốn góp của các cổ đông	390.800.000.000	390.800.000.000
Cộng	542.000.000.000	542.000.000.000

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	54.200.000	54.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	54.200.000	54.200.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	54.200.000	54.200.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn kinh doanh của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1/10

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	QUÝ 1	Số đầu năm
Bán nền các khu dân cư, chung cư	69.067.240.572	392.565.895.106
Hoạt động xây dựng	35.508.182	427.317.409
Hoạt động môi giới bất động sản	553.371.998	3.002.620.742
Thuê mặt bằng	103.870.356	577.828.444
Cung cấp dịch vụ điện, nước...cho dự án	1.446.270.810	5.295.714.855
Hoạt động cho thuê đất tại KCN Lê Minh Xuân	2.777.851.280	20.259.350.538
Hoạt động khác và cung cấp dịch vụ tại KCN LMX	5.492.753.241	19.144.700.276
Các khoản giảm trừ doanh thu:	-	-
Cộng	79.476.866.439	441.273.427.370

2. Giá vốn hàng bán

	QUÝ 1	Số đầu năm
Giá vốn bán nền, nhà chung cư	25.675.450.000	154.923.495.089
Hoạt động xây dựng	-	321.756.455
Môi Giới BDS	5.654.926	879.400.765
Cung cấp dịch vụ điện, nước...cho dự án	567.614.807	1.668.745.217
Cho thuê lại mặt bằng SGD2		50.908.772
Cho thuê đất tại Khu công nghiệp Lê Minh Xuân	1.469.396.553	7.338.433.137
Cung cấp dịch vụ tại KCN Lê Minh Xuân		
	4.421.786.126	19.944.589.934
Cộng	32.139.902.412	185.127.329.369

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	QUÝ 1	Số đầu năm
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, lãi trái phiếu	2.293.240.602	3.355.670.232
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	1.394.099.552
Hoàn nhập dự phòng đầu tư CK	-	2.108.175.000
Tiền cho thuê mặt bằng		232.165.000
Doanh thu hoạt động tài chính KCN LMX	141.143.362	1.021.681.703
Cộng	2.434.383.964	8.111.791.487

4. Chi phí tài chính

	QUÝ 1	Số đầu năm
Chi phí lãi vay và các khoản khác	2.641.615.196	7.650.834.878
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		3.947.580.000
Hoàn nhập đầu tư chứng khoán		(28.114.974.227)
Cộng	2.641.615.196	(16.516.559.349)

5. Chi phí quản bán hàng

	QUÝ 1	Số đầu năm
Chi phí nhân viên		1.033.502.622

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1/10

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.142.720.635	14.746.464.974
Chi phí bán hàng tại KCN LMX		39.181.818
Cộng	2.142.720.635	15.819.149.414

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	QUÝ 1	Số đầu năm
Chi phí lương nhân viên quản lý	2.501.331.961	13.434.051.388
Chi phí vật dụng văn phòng	-	3.300.000
Khấu hao tài sản cố định	804.185.002	2.575.882.640
Thuế, phí và lệ phí	122.168.732	229.497.971
Chi phí dịch vụ mua ngoài	376.396.691	3.792.146.159
Chi phí bằng tiền khác	1.534.812.740	8.478.149.903
Chi phí quản lý SGD Q3		412.034.567
Chi phí QLDN KCN LMX	596.700.032	2.628.652.797
Cộng	5.935.595.158	31.553.715.425

7. Thu nhập khác

	QUÝ 1	Số đầu năm
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	7.272.727
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	932.118.271	4.680.699.650
Thu khác + KCN LMX	317.734.443	2.094.664.568
Cộng	1.249.852.714	6.782.636.945

8. Chi phí khác

	QUÝ 1	Số đầu năm
Chi phí khác	132.224.827	5.584.413.258
Cộng	132.224.827	5.584.413.258

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần Khu công nghiệp Phong Phú	Công ty con
Công ty cổ phần KD BĐS Bách Bình	Công ty con

2. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ này	Đầu năm
1. Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
<i>Cơ cấu tài sản</i>			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	69.74	70.08

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1/10

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	30.26	29.92
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	55.83	56.60
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	44.17	43.40
2. Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1.79	1.77
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	3.80	3.04
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0.26	0.27
3. Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	50.54	36.33
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	37.83	24.37
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	1.45	6.38
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	1.08	4.28
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	2.45	9.86

Người lập



Nguyễn Kim Phụng

Kế toán trưởng



TP. HCM, ngày 19 tháng 04 năm 2010

Tổng Giám đốc




Nguyễn Thụy Nhân